

Số: 196/2018/QĐST-HNGĐ

G, ngày 4 tháng 5 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN
CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

- Căn cứ vào hồ sơ vụ việc dân sự thụ lý số 104/2018/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2018 giữa:

*** Người yêu cầu: Anh Tô Thanh T, sinh năm 1974**

Địa chỉ: Số 14 đường C, phường Q, thành phố G, tỉnh Kiên Giang.

*** Người yêu cầu: Chị Lê Thị Kim L, sinh năm 1983**

Địa chỉ: Số 14 đường C, phường Q, thành phố G, tỉnh Kiên Giang.

- Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ vào Điều 55; 81; 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;
- Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 23 tháng 4 năm 2018.

XÉT THẤY

- Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 23 tháng 4 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của Luật, không trái đạo đức xã hội.

- Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Tô Thanh T và chị Lê Thị Kim L.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về con chung: Anh Tô Thanh T và chị Lê Thị Kim L xác định có 2 người còn chung tên Tô Đức H, sinh ngày 27/2/2004 và Tô Đức T1, sinh ngày 24/9/2006. Anh T, chị L thỏa thuận thống nhất giao người con tên Tô Đức T1 cho anh T tiếp

tục chăm sóc nuôi dưỡng, giao người con tên Tô Đức H cho chị L tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng. Mặc khác, theo nguyện vọng của cháu H cũng mong muốn được sống với mẹ và cháu T1 mong muốn được sống với cha (được thể hiện tại biên bản ghi ý kiến ngày 23/4/2018). Anh T, chị L không ai yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Anh T, chị L có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Về tài sản, nợ chung: Anh T, chị L xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh T, chị L cam kết việc yêu cầu ly hôn không nhằm trốn tránh trách nhiệm về tài sản, nợ.

Về lệ phí thuận tình ly hôn: Mỗi bên phải chịu 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*). Anh T, chị L đã tạm nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004555 ngày 11/04/2018 tại Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố G, nên anh, chị được khấu trừ.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKS Nhân dân TP.G;
- Chi cục T.H.A TP.G;
- Các đương sự.

THẨM PHÁN

Huỳnh Thị Thùy Linh